

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ I		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (15 Công ty)	Năm trước (14 Công ty)	Năm nay (15 Công ty)	Năm trước (14 Công ty)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		563,727,501,054	807,134,399,488	563,727,501,054	807,134,399,488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		809,021,266	494,037,537	809,021,266	494,037,537
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	562,918,479,787	806,640,361,951	562,918,479,787	806,640,361,951
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	489,695,634,255	716,219,603,134	489,695,634,255	716,219,603,134
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73,222,845,532	90,420,758,817	73,222,845,532	90,420,758,817
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	990,360,773	3,451,010,127	990,360,773	3,451,010,127
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	51,263,857,258	59,509,398,092	51,263,857,258	59,509,398,092
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		50,751,096,217	56,583,448,316	50,751,096,217	56,583,448,316
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	3,549,264,503	4,997,045,555	3,549,264,503	4,997,045,555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	17,189,370,105	25,032,480,459	17,189,370,105	25,032,480,459
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,210,714,439	4,332,844,838	2,210,714,439	4,332,844,838
11. Thu nhập khác	31	VI.25	3,489,962,479	10,710,357,663	3,489,962,479	10,710,357,663
12. Chi phí khác	32	VI.26	3,530,101,007	10,908,537,617	3,530,101,007	10,908,537,617
13. Lợi nhuận khác	40		(40,138,528)	(198,179,954)	(40,138,528)	(198,179,954)
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh			(201,246,891)	(349,528,080)	(201,246,891)	(349,528,080)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,969,329,019	3,785,136,804	1,969,329,019	3,785,136,804
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		661,370,930	605,370,248	661,370,930	605,370,248
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		19,500,221	-	19,500,221	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1,288,457,869	3,179,766,556	1,288,457,869	3,179,766,556
17. Lợi ích của cổ đông thiểu số			(367,986,900)	159,480,501	(367,986,900)	159,480,501
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			1,656,444,769	3,020,286,055	1,656,444,769	3,020,286,055
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	VI.27	42	97	42	97

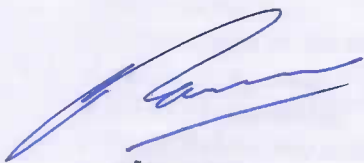
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 10 tháng 05 năm 2013

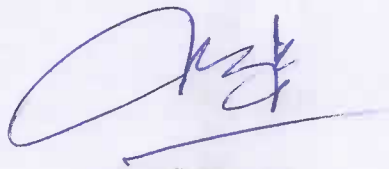
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Đỗ Ngọc Nam



Nguyễn Ngọc Lễ

